

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 138/2020/HSST
Ngày 26/3/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA - TỈNH ĐỒNG NAI**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Thái
- Các Hội thẩm nhân dân:
 1. Bà Huỳnh Thị Kim Kiên - Hội liên hiệp phụ nữ thành phố Biên Hòa;
 2. Bà Vương Thị Khánh Loan - Liên đoàn lao động thành phố Biên Hòa;
- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Hoàng Thị Diệu Linh.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Huy Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở, Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai, vụ án hình sự thụ lý số 94/2020/TLST-HS ngày 25 tháng 02 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 123/2020/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 3 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 218/2020/HSST-QĐ ngày 18 tháng 3 năm 2020, đối với bị cáo:

P (tên gọi khác: Út Moóc), sinh năm 1991, tại Đồng Nai; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: nhà không số, tổ 5, khu phố 1, phường Bửu Long, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai; Nơi ở hiện nay: 14/6D, tổ 20C, khu phố 1, phường Bửu Long, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai; Nghề nghiệp: Phụ hồ; trình độ văn hóa (học vấn): 0/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Hồ Văn C (đã chết) và bà Lý Thị N, sinh năm 1949; Gia đình có 07 anh chị em, bị cáo là con thứ bảy; Có vợ tên: Huỳnh Thị Hải Y, sinh ngày 30/5/1995, có 03 người con, lớn nhất sinh năm 2011, nhỏ nhất sinh năm 2018; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú - Có mặt.

- *Người bị hại:* **Huỳnh Thị Hải Y**, sinh ngày 30/5/1995 - có mặt;

Địa chỉ: 14/6D, tổ 20C, khu phố 1, phường Bửu Long, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai;

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ tháng 3-2010, Hồ Ngọc P sinh ngày 08-4-1991 và Huỳnh Thị Hải Y sinh ngày 30-5-1995 có quan hệ tình cảm với nhau. Khoảng 02 giờ ngày 15-4-2010, P đưa Yến về nhà của P ở tổ 5, khu phố 1, phường Bửu Long, thành phố Biên Hòa, P và Yến nằm ngủ chung trên giường trong phòng ngủ và giao cấu với nhau. Khoảng 01 giờ các ngày 17, 18 và 19 tháng 4 năm 2010, P tiếp tục đưa Y về nhà ngủ chung và giao cấu với nhau 03 lần. Ngày 19-4-2010, ông Huỳnh Hải L (cha Y) phát hiện sự việc và báo Công an phường Bửu Long, sau đó chuyển đến Công an thành phố Biên Hòa điều tra xử lý.

Từ tháng 05-2010 đến trước ngày 20-9-2010, Yến tiếp tục đến nhà P tại tổ 5, khu phố 1, phường Bửu Long, thành phố Biên Hòa để cùng chung sống. Tại nhà P, được sự đồng ý của Y, P đã giao cấu với cháu Y khoảng 16 lần, hậu quả làm Y mang thai. Ngày 07-3-2011, Y sinh cháu Hồ Minh Phát.

❖ Tại Bản giám định pháp y số 0357/GĐPY/2010 ngày 20-4-2010 của Trung tâm pháp y tỉnh Đồng Nai khám bộ phận sinh dục của cháu Huỳnh Thị Hải Y như sau:

- Âm hộ: Môi lớn, môi bé bình thường, không thấy dấu hiệu tổn thương.
- Màng trinh: Hình bán nguyệt, đường kính lỗ trinh 1,2cm, màng trinh rách mới vị trí 06h, vết rách còn phù nề xung huyết, màng trinh rách cũ vị trí 03h và 09h.
- Âm đạo: Sạch, có ít dịch đục. (Bút lục số: 54)

❖ Tại bản Kết luận giám định số 2745/C09B ngày 13-8-2019 của Phân viện Khoa học hình sự tại thành phố Hồ Chí Minh - Viện khoa học hình sự kết luận: Hồ Ngọc P và Huỳnh Thị Hải Y đều có đầy đủ các alen bắt buộc ở tất cả các locus gen được khảo sát theo hệ Identifiler đối với Hồ Minh Phát, Hồ Ngọc P và Huỳnh Thị Hải Y là cha - mẹ ruột của Hồ Minh Phát với xác suất 99,99999814%.

- Lưu các kiểu gen trên tại Phan Viện Khoa học Hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh.

❖ Tại Bản cáo trạng số 180/CT-VKSBH ngày 24 tháng 02 năm 2020, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa truy tố bị cáo P về tội “Giao cấu với trẻ em” theo quy định tại điểm a, d khoản 2 Điều 115 Bộ luật hình sự năm 1999 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tham gia phiên tòa trình bày lời luận tội nêu tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, vẫn giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo theo điều khoản và tội danh nêu trên; đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo như sau:

+ Tình tiết giảm nhẹ: bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã bồi thường, khắc phục hậu quả; có nhân thân tốt, chưa tiền án, tiền sự; được gia đình bị hại làm đơn bãi nại (quy định tại các điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009);

+ Tình tiết tăng nặng: không.

Đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo P mức án từ 02 năm 06 tháng tù đến 03 năm tù nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách theo quy định.

❖ Bị cáo P không tranh luận gì với lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa.

❖ Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định trong Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến khiếu nại gì về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng, do đó các hành vi và quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2] Về áp dụng pháp luật: Xét thấy, hành vi phạm tội của bị cáo xảy ra từ năm 2010, do đó theo hướng dẫn tại Công văn số 04/TANDTC-PC ngày 09/01/2018 của Tòa án nhân dân tối cao về việc áp dụng Bộ luật hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội, Hội đồng xét xử áp dụng các quy định của Bộ luật hình sự năm 1999, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009 để giải quyết vụ án.

[3] Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Xét thấy, lời khai nhận tội của bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay là thống nhất, phù hợp với lời khai của người bị hại và phù hợp với các chứng cứ, tài liệu khác có tại hồ sơ.

Do vậy, có đủ cơ sở để khẳng định: Từ ngày 15-4-2010 đến trước ngày 20-9-2010, tại nhà không số tổ 5, khu phố 1, phường Bửu Long, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Hồ Ngọc P sinh ngày 08-4-1991 có hành vi giao cấu 20 lần với Huỳnh Thị Hải Y sinh ngày 30-5-1995. Hậu quả làm Y có thai và đến ngày 07-3-2011 sinh 01 bé trai đặt tên là cháu Hồ Minh Phát. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Giao cấu với trẻ em”, tội danh và hình phạt được quy định tại Điều 115 Bộ luật hình sự năm 1999, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009. Do bị cáo đã

hiều lần thực hiện hành vi giao cấu đối với cháu Yên, dẫn đến hậu quả làm Yên có thai nên phải chịu hai tình tiết định khung hình phạt quy định tại điểm a, d khoản 2 Điều 115 Bộ luật hình sự năm 1999, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Từ những phân tích trên, xét thấy Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa truy tố bị cáo P về tội “Giao cấu với trẻ em”, theo quy định tại điểm a, d khoản 2 Điều 115 Bộ luật hình sự năm 1999, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009, là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã tự nguyện bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả; Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, gia đình có hoàn cảnh khó khăn; đã được gia đình bị hại làm đơn bãi nại, đây là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: không có.

[6] Về quyết định hình phạt: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền được bảo vệ về danh dự, nhân phẩm, xâm phạm đến sức khỏe và sự phát triển bình thường của người dưới 16 tuổi, nên cần phải có hình phạt nghiêm để cải tạo, giáo dục bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung.

Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử xem xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, để xem xét giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, trong thời gian tại ngoại chấp hành tốt quy định của pháp luật. Bị cáo là người có trình độ học vấn thấp, nhận thức về pháp luật có phần hạn chế, trong vụ án này, bị cáo thực hiện hành vi giao cấu với bị hại xuất phát từ quan hệ tình cảm giữa hai bên, thực tế sau đó, cả hai đã đăng ký kết hôn khi đủ điều kiện và hiện nay đã tiếp tục có thêm 02 con chung, gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, việc bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù sẽ làm ảnh hưởng nghiêm trọng tới việc chăm sóc các con và cuộc sống của gia đình bị cáo sau này. Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, mà áp dụng Điều 60 Bộ luật hình sự năm 1999, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009, cho bị cáo được hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách là cũng đủ cải tạo, răn đe đối với bị cáo và thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật.

[7] Về trách nhiệm dân sự: người bị hại và gia đình người bị hại không yêu cầu bồi thường nên không đặt ra xem xét.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ điểm a, d khoản 2 Điều 115; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 60 Bộ luật hình sự năm 1999 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009); Nghị quyết số 01/2013/NQ-HĐTP ngày 06/11/2013; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày

20 tháng 6 năm 2017 của Quốc hội; khoản 2 Điều 136; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo P phạm tội “Giao cấu với trẻ em”.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo P 03 (ba) năm tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 05 (Năm) năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường Bửu Long, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về trách nhiệm dân sự: người bị hại và đại diện hợp pháp của người bị hại không yêu cầu bồi thường nên không đặt ra xem xét

4. Về án phí: Bị cáo P phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND thành phố Biên Hòa;
- Công an thành phố Biên Hòa;
- Chi cục thi hành án thành phố Biên Hòa;
- Nhà tạm giữ Công an TP. Biên Hòa;
- Bị cáo; Bị hại;
- Lưu.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Quốc Thái